

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company would like to announce the information after exchange trading:

1. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
2. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
3. Tên CTQLQ/*Fund management Company*: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A/
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company
4. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
5. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **30/06/2023**
6. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*
7. Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:*

STT <i>No.</i>	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weight</i>
<i>Chứng khoán/Stock</i>			
1	VPB	2,400	6.09%
2	FPT	500	5.51%
3	HPG	1,600	5.26%
4	TCB	1,100	4.58%
5	ACB	1,600	4.47%
6	VIC	600	3.96%
7	VCB	300	3.90%
8	VNM	400	3.67%
9	VHM	500	3.50%
10	SSB	1,000	3.46%
11	STB	900	3.39%
12	MBB	1,200	3.10%
13	MSN	300	2.88%
14	MWG	500	2.72%
15	HDB	900	2.10%
16	SAB	100	1.96%
17	SHB	1,200	1.93%
18	EIB	700	1.87%
19	VRE	500	1.72%
20	SSI	500	1.62%
21	TPB	700	1.61%
22	CTG	400	1.52%
23	VIB	600	1.51%
24	MSB	900	1.46%
25	LPB	700	1.35%
26	VND	500	1.20%
27	GAS	100	1.21%
28	VJC	100	1.20%
29	KBC	300	1.11%
30	NVL	500	0.96%
31	VCI	200	0.93%
32	PNJ	100	0.96%
33	OCB	400	0.94%
34	FRT	100	0.85%
35	VHC	100	0.83%
36	DGC	100	0.80%
37	REE	100	0.81%
38	KDC	100	0.80%
39	KDH	200	0.78%
40	GEX	300	0.71%
41	GMD	100	0.66%
42	VPI	100	0.66%
43	HSG	300	0.63%
44	BID	100	0.57%
45	BVH	100	0.56%
46	DIG	200	0.54%
47	DGW	100	0.51%
48	POW	300	0.52%
49	HDG	100	0.50%
50	PLX	100	0.48%
51	DPM	100	0.44%
52	NLG	100	0.42%



53	NT2	100	0.40%
54	HCM	100	0.36%
55	PC1	100	0.35%
56	PVD	100	0.31%
57	PVT	100	0.29%
58	DBC	100	0.27%
59	VCG	100	0.27%
60	PAN	100	0.26%
61	GVR	100	0.24%
62	CII	100	0.23%
63	NKG	100	0.22%
64	PDR	100	0.21%
65	DXG	100	0.19%
66	SBT	100	0.20%
67	HHV	100	0.19%
68	TCH	100	0.11%
69	SCR	100	0.10%
70	SAM	100	0.09%
II.	Tiền/Cash (VND)	5,877,313	

8. Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities	784,710,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	790,587,313
- Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	5,877,313

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

9. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	21,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,500	BSC	Hạn chế đầu tư có phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of
3	FPT	86,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	51,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	20,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	42,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	75,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	63,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	32,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	18,800	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

10. Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criterias	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	30/06/2023	29/06/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creations Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	5,700,000	5,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	8,030	8,100	(70)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset value			
Của quỹ ETF/ of the fund	45,063,476,897	45,741,574,271	(678,097,374)
Của 1 lô ETF/ per creation unit	790,587,313	802,483,759	(11,896,446)
Của một chứng chỉ quỹ/ per share	7,905.87	8,024.83	(118.96)
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	1,082.38	1,082.94	(0.56)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày

Item 5 is asset value calculated as at

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày

Item 5 is asset value calculated as at

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3178-
NG TY
NH
ANH VI
QUY Đ
KH
P.A
NG - TP

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

